

Số: 324 /NMĐTB2-KTATMT

Hưng Yên, ngày 25 tháng 02 năm 2026

V/v cung cấp báo giá “TB2026-064: Mua sắm
van các loại cho dự phòng, thay thế phục vụ
BDSC thường xuyên và định kỳ năm 2026 –
NMNĐ Thái Bình 2”

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang có nhu cầu mua sắm van các loại cho dự phòng, thay thế phục vụ BDSC thường xuyên và định kỳ năm 2026 – NMNĐ Thái Bình 2. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp các chủng loại vật tư van cho các Nhà máy nhiệt điện, đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá cho hạng mục nói trên với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Phạm vi công việc mua sắm các loại van như đính kèm;
 - ✓ Bảo hành tối thiểu 12 tháng.
- Tiến độ hoàn thành cung cấp hàng hóa: 190 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.
- Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Xã Đông Thái Ninh, Tỉnh Hưng Yên.
- Hiệu lực báo giá: Tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 9h00 ngày 07/03/2026.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.
- Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp qua bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
- Thông tin liên hệ:
 - ✓ Người nhận: Đặng Quang Duyệt, Phòng KTATMT;
 - ✓ Địa chỉ: Xã Đông Thái Ninh, Tỉnh Hưng Yên;
 - ✓ Số điện thoại liên hệ: 0978445461; Email: duyetdq@pvpgb.vn; hungbb@pvpgb.vn; vanthutb2@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNPD DK (để b/c);
- GĐNM N.A.Tuấn (để b/c);
- PGĐNM N.V.Chung (e-copy);
- Các Phòng/PX: TM, NL, BDSC (để t/h);
- Lưu: VT, KTATMT (Đ.Q.D: 1 b).

Đính kèm:

- Phạm vi công việc xin báo giá.

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2**



Đinh Văn Ngọc

Xã Đông Thái Ninh, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678



PL1: PHẠM VI CÔNG VIỆC MUA SẴM VAN CÁC LOẠI CHO DỰ PHÒNG VÀ PHỤC VỤ BDSC THƯỜNG XUYỀN VÀ ĐỊNH KỲ NĂM 2026 TỔ MÁY 1&2 - NMNĐ THÁI BÌNH 2
(Đính kèm công văn số 324 /NMĐTĐ2-KTATMT, ngày 25 / 02/2026)

STT	Mã chuẩn hóa vật tư	Tên vật tư/Công việc thực hiện	Thông số kỹ thuật	Nhà sx	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	48911011	Packing for poppet valve Part No: 398443-010A	Part No:398443-010A ADDITIONAL INFORMATION: Drawing: TB2-SDC.VP101-00HCB-M-M1A-MAN 0001_Rev0	DIAMOND POWER	Bộ	90	
2	51904003	Van tay (Domestic valve)	Type: Globe valve J61Y-P54-200V Size: DN32 Áp suất danh nghĩa: P54-20 Mpa Kiểu kết nối: Butt weld	Qingdao power station valve	Cái	6	
3	51904005	Van tay cách ly đường xả vent RH	Type: Globe valve J61Y-P56-100V Size: DN32 Áp suất danh nghĩa: P56-10 Mpa Kiểu kết nối: Butt weld	Qingdao power station valve	Cái	2	
4	51904006	Van tay các ly đường xả vent ống góp BQN cấp 2	Type: Globe valve J61Y-P56-200V Size: DN32 Áp suất danh nghĩa: P56-20 Mpa Kiểu kết nối: Butt weld	Qingdao power station valve	Cái	1	
5	51904007	Van tay (Domestic valve)	Type: Globe valve J61Y-P56-200V Size: DN50 Áp suất danh nghĩa: P56-20 Mpa Kiểu kết nối: Butt weld	Qingdao power station valve	Cái	1	
6	51904008	Van cầu xả drain	GLOBE VALVE DN20 CLASS ASME2155 LTD Type Globe valve 0.75-12G4CJ1055E	Conval	Cái	10	
7	51904009	Van cầu xả drain	GLOBE VALVE DN32 CLASS ASME2155 LTD Type: 1.25-12G5CJ-F225F	Conval	Cái	10	
8	51904010	Van cầu xả drain	Type: GLOBE VALVE Size: DN50 CLASS: ASME2155 LTD Kiểu kết nối: Butt Weld Type: 2.00 - 12G5CJ-1056G	Conval	Cái	2	
9	51904011	Van cầu xả drain điều khiển bằng động cơ (Phần van, không bao gồm bộ phận truyền động)	GLOBE VALVE DN20 CLASS ASME1195 LTD Type: 0.75-11G4ZJ-1055E	Conval	Cái	4	
10	51904012	Van cầu xả drain điều khiển bằng động cơ (Phần van, không bao gồm bộ phận truyền động)	GLOBE VALVE DN32 CLASS ASME1195 LTD type:1.25- 11G5ZJ-1055F	Conval	Cái	2	

STT	Mã chuẩn hóa vật tư	Tên vật tư/Công việc thực hiện	Thông số kỹ thuật	Nhà sx	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
11	51904013	Van cầu xả drain điều khiển bằng động cơ (Phần van, không bao gồm bộ phận truyền động)	GLOBE VALVE DN50 CLASS ASME1195 LTD Type: 2.0-11G5ZJ-F226H	Conval	Cái	2	
12	51904014	Van tay xả drain đường hơi chính	Type: Globe valve Size: DN50 Class: 2680 Kiểu kết nối: Butt weld	Velan	Cái	3	
13	51904020	Van cầu xả drain điều khiển bằng động cơ (Phần van, không bao gồm bộ phận truyền động)	GLOBE VALVE DN32 CLASS ASME2155 LTD Type: 1.25-12G5ZJ-F225F	Conval	Cái	3	
14	51904021	Van cầu xả drain điều khiển bằng động cơ (Phần van, không bao gồm bộ phận truyền động)	GLOBE VALVE DN40 CLASS ASME3045 LTD; Type 50-13G5ZJ-F225E	Conval	Cái	4	
15	51904022	Van cầu xả drain điều khiển bằng động cơ (Phần van, không bao gồm bộ phận truyền động)	GLOBE VALVE DN50 CLASS ASME2155 LTD TYPE: 2.0-12G5ZJ-1056G	Conval	Cái	4	
16	51904023	Van cầu xả drain điều khiển bằng động cơ (Phần van, không bao gồm bộ phận truyền động)	Type: GLOBE VALVE Size: DN65 CLASS: ASME4095STD Kiểu kết nối: Butt Weld TYPE: 2.5-14G5ZJ-F228G	Conval	Cái	1	
17	51904049	Van tay (Domestic valve)	Type: Globe valve J61Y-320 Size: DN32 Áp suất danh nghĩa: 32Mpa Kiểu kết nối: Butt weld	Qingdao power station valve	Cái	8	
18	51313003	Van đầu chai bình n2/co2	TYPE QS-2A WP(Mpa) 15 Mpa DN+f6 inlet thread PZ 27.8 ,outlet threat G5/8-14-RH-EXT ,Safety device 200+- 15Bar	Shanghai-China	Cái	10	
19	51988008	Van tay Manifold	Type: Globe valve Size: DN100 Class: 2155STD Kiểu kết nối: Butt weld Type 4.0-12G5CJ-1059K	Conval	Cái	6	
20	51988023	Van bi thép mặt bích DN50	Type:S8000 Ball valve Valve size: 2" MANUFACTURER: H&G flow control GmbH	H&G flow control GmbH	Cái	4	
21	51991004	Poppet Valve(Van đĩa)	Poppet Valve for IK555, Part no. 350654-0032	DIAMOND POWER	Cái	1	
22	58560129	Gasket (cho van 22LAE11/12AA001)	Chi tiết số 3 trong bản vẽ TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A_DSU-0040_Rev0) Vật liệu: Plexicarb Serial#: 1000002929403-04, 12-13 Model: 3' CL2500 WCB BW SD 700-160DA	SPX flow technology	Cái	4	

STT	Mã chuẩn hóa vật tư	Tên vật tư/Công việc thực hiện	Thông số kỹ thuật	Nhà sx	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
23	58560130	Gasket (cho van 22LAE13/14AA001)	Chi tiết số 3 trong bản vẽ TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A DSU-0041_Rev0) Vật liệu: Plexicarb Serial#: 1000002929405-06, 14-15 Model: 3' CL2500 WCB BW SD 700-160DA	SPX flow technology	Cái	4	
24	51335233	Van khí nén	Model: +GF+ 161624632, type: 10FC 1/2DN15, PVC-U, PTFE/EPDM Fail close (FC), Pmax=6 bar	Georg Fischer	Cái	4	
25	51995035	Van hóa chất DN 15	Diaphragm valve DN 15 CPVC Diaphragm valve (Flange) ANSI 1/2"-4" Body CPVC Body o-ring: EPDM Diaphragm:EPDM Hydro test 5.88 bar.g MANUFACTURER:Hershey valve	Hershey valve	Cái	10	
26	51995036	Van hóa chất DN 20	Diaphragm valve DN 20 CPVC Diaphragm valve (Flange) ANSI 1/2"-4" Body CPVC Body o-ring: EPDM Diaphragm:EPDM Hydro test 5.88 bar.g MANUFACTURER:Hershey valve	Hershey valve	Cái	10	
27	51995023	Van hóa chất DN 25	Diaphragm valve DN 25CPVC Diaphragm valve (Flange) ANSI 1/2"-4"Body CPVCBody o-ring: EPDMDiaphragm:EPDMHydro test 5.88 bar.gMANUFACTURER:Hershey valve	Hershey valve	Cái	10	
28	51995024	Van hóa chất DN 40	Diaphragm valve DN 40 CPVC Diaphragm valve (Flange) ANSI 1/2"-4" Body CPVC Body o-ring: EPDM Diaphragm:EPDM Hydro test 5.88 bar.g MANUFACTURER:Hershey valve	Hershey valve	Cái	10	



STT	Mã chuẩn hóa vật tư	Tên vật tư/Công việc thực hiện	Thông số kỹ thuật	Nhà sx	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
29	51995025	Van hóa chất DN 50	Diaphragm valve DN 50 CPVC Diaphragm valve (Flange) ANSI 1/2"-4" Body CPVC Body o-ring: EPDM Diaphragm:EPDM Hydro test 5.88 bar.g MANUFACTURER:Hershey valve	Hershey valve	Cái	10	
30	51995037	Van màng DN50 (hệ thống FGD)	G310 Diaphragm valve DN50	H&G flow control GmbH	Cái	10	
31	51931419	Packing + Gasket + seal van xả thường HP8 về HP7 (11/21LCH83AA001)	Bonnet gasket (61126224AE) KT: OD261 x ID232 x 4.5 mm Vật liệu: 304+Graphite- 1 cái - Seat gasket (61120664AE) KT: OD205 x ID175 x 4.5 mm Vật liệu: 304+Graphite- 2 cái - Balance seal (6130801AH) KT: OD95 x ID75x10 mm Vật liệu: 316SS+Teflon-1 cái - Packing set (1 bộ gồm 4 vòng (2 vòng graphite và 2 vòng graphite+ sợi inconel) Packing set (6122538AA) KT: OD38 x ID25 mm)	IMI CCI	Bộ	2	
32	51931463	Packing + Gasket + seal van xả thường HP7 về HP6 (11/21LCH73AA001)	Bộ vật tư lắp kín Van xả thường HP7 về HP6 - 1 bộ bao gồm: - Bonnet gasket (61125213AE) KT: OD255 x ID235 x 3.2 mm Vật liệu: 304+Graphite-1 cái - Seat gasket (61122983AE) KT: OD230 x ID210 x 3.2mm Vật liệu: 304+Graphite- 2 cái - Balance seal (6131001AH) KT: OD125 x ID100 x 10mm Vật liệu: 316SS+Teflon-1 cái - Packing set (1 bộ gồm 4 vòng (2 vòng graphite và 2 vòng graphite + sợi inconel) (6122538AA)KT: OD38 x ID25 mm Vật liệu: Graphite/Graphite+sợi inconel	IMI CCI	Bộ	2	



STT	Mã chuẩn hóa vật tư	Tên vật tư/Công việc thực hiện	Thông số kỹ thuật	Nhà sx	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
33	51931464	Packing + Gasket + seal van xả thường HP6 về Bình khử khí (11/21/LCH63AA001)	Bộ vật tư làm kín Van xả thường HP6 về Khử khí -1 bộ bao gồm: -Bonnet gasket (61125213AE) KT: OD335xID305x3.2 mm Vật liệu: 304+Graphite -1 cái - Seat gasket (61122983AE) KT: OD305xID282x3.2 mm Vật liệu: 304+Graphite - 2 cái - Balance seal (6131001AH) KT: OD180xID150x13.2 mm Vật liệu: 316SS+Teflon-KKS - Packing set P/N 6123245AF (1 bộ gồm 2 set : 14 vòng V-PTFE OD45xID32xH6 Vật liệu: V-PTFE	IMI CCI	Bộ	2	
34	51988036	Van tay	Van Globe - (Ultralow emission valve) FIG.no 5562YWE, Size: 1.1/4"(DN32), Body F91, Stem vastago 316,Seat asiento ST6, Class 2500, Press 6250 PSI, Max temp 1000°F, Trim 3HFAPI: 602/ASME: B16.34	Walworth Mexico	Cái	4	
35	51988050	Van tay	Van Globe - (Ultralow emission valve) FIG.no 5625YWE, Size: 3/4"(DN20), Body F91, Stem vastago 316, Seat asiento ST6, Class 2500, Press 6250 PSI, Max temp 1050°F, Trim 3HF API: 602/ASME: B16.34	Walworth Mexico	Cái	4	
36	51333003	ESP outlet valve; PNEUMATIC ACTUATOR: PNEUMATIC, CDS1F200-240	ESP outlet valve Pressure Class: 150LB Shell test Pressure: 1,5 Mpa Seal test Pressure: 1,1 Mpa Suitable Temperature: -29 - 200 độ Fluid: Fly Ash and Air PNEUMATIC ACTUATOR: PNEUMATIC, CDS1F200-240 Power supply: DC24V Metarial: - Packing: PTFE - Side body: ASME 65-45-12 - Bolt: A193 GRB7 - Nut: 194 GR2H - Sealing ring: Ceramic - Seat: Ceramic - Disc: ANSI 420 - Body: A1011M Grade 33 Chiều dài van: L=230mm Kích thước: DN200, Lỗ bulong M20-8.	Skycera	Bộ	5	

